

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 02 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đình Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1983

ĐKNKTT: Thôn K 1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng. Ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn K 1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 29/11/2017 và bản tự khai chị Trần Thị V trình bày: Chị và anh Trần Văn H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức hỏi cưới theo phong tục truyền thống của Việt Nam và có làm thủ tục

đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K vào ngày 12/5/2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh H bất đồng với nhau về lối sống, phong cách sống. Anh H ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị không chung thủy. Chị đã nhiều lần giải thích nhưng anh H không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Thực tế chị đã bỏ về nhà bố mẹ để ở một thời gian, sau đó anh H xuống xin lỗi nên chị bỏ qua vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên do anh H không thay đổi tính nết nên chỉ hai tháng sau khi quay lại chị và anh H lại có những lời lẽ thiếu tôn trọng nhau. Từ năm 2016 đến nay chị sống ly thân với anh H, không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống và sinh hoạt mới.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Trần Văn S, sinh ngày 02/07/2002. Khi ly hôn chị và anh H thỏa thuận giao cháu S cho anh H nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn H: Vắng mặt tại phiên toà và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của anh Trần Văn H, thể hiện về thời gian lấy nhau, nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân giữa anh và chị Trần Thị V là phù hợp với lời khai của chị V. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không muốn ly hôn. Việc chị V xin ly hôn thì để tự chị V giải quyết đơn phương theo quy định của pháp luật và anh từ chối ký vào tất cả biên bản của Tòa án.

Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung là Trần Văn S, sinh ngày 02/07/2002. Khi ly hôn anh H và chị V thỏa thuận giao cháu S cho anh H nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con anh H và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh H và chị V tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy: Chị Trần Thị V và anh Trần Văn H mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, yêu cầu của chị V phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản

1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V được ly hôn anh H; về con chung: Giao 01 con chung là Trần Văn S, sinh ngày 02/07/2002 cho anh H nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị V và anh H tự thỏa thuận nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị V và anh H tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Trần Văn H có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 12/5/2001. Như vậy hôn nhân giữa chị V và anh H là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Anh H ghen tuông vô cớ, ghi ngờ chị V không chung thủy. Xác minh theo yêu cầu của đương sự tại chính quyền địa phương xã H và gia đình cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ đầu năm 2011 nên chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Gia đình và địa phương đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chỉ được thời gian ngắn thì vợ chồng lại xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ năm 2016 đến nay mâu thuẫn của chị V và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã sống ly thân với nhau được hơn 02 năm, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị V xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn mặc dù xác định không còn tình cảm với chị V. Xét mâu thuẫn của chị V và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc xin ly hôn của chị V phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản

1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị V được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Giao con 01 chung là Trần Văn S, sinh ngày 02/07/2002 cho anh H nuôi vì anh H có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu S, phù hợp với đề nghị của đại diện chính quyền địa phương và quy định của pháp luật tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị V và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị V và anh H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị V và anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con 01 chung là Trần Văn S, sinh ngày 02/07/2002 cho anh Trần Văn H nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Trần Thị V và anh Trần Văn H tự thỏa thuận không yêu cầu. Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA.0006025 ngày 11/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng; chị Trần Thị V đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang

